TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐ-PT	*Thái Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và bà Nguyễn Thị Lan Anh

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 04/2023/QĐST-LĐ ngày 10/8/2023, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã căn cứ vào Điều 48, khoản 2 Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 217, 218, 219, 271 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động về việc "Tranh chấp về tiền lương", giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.2. Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà C, đường N, tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

1.5. Bà Bùi Thị Hồng L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà H, đường T, tổ A, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngọ Viết T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường V, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; địa chỉ tại: Số A, đường V, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần V; địa chỉ: Số A, đường L, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Tuấn L1 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Tuấn L1: Ông Lê Anh L2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số B, ngõ V, phường K, quận Đ, thành phố T. Có mặt.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 23/8/2023, ông T, bà M, bà N, ông H, bà L kháng cáo toàn bộ quyết định đình chỉ: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ vụ án lao động số 04/2023/QĐST-LĐ ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc Công ty cổ phần V trả số tiền lương còn nợ cho người lao động kể từ tháng 6/2018 cho đến tháng 02/2022 cho các nguyên đơn. Lý do kháng cáo: Thứ nhất, căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các nguyên đơn buộc Công ty cổ phần V trả toàn bộ số tiền lương còn nợ chứ không khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng lao động hay quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về việc không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với "Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu", do đó nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền lương mà Công ty cổ phần V phải trả cho nguyên đơn là đòi quyền sở hữu tài sản nhưng Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình lại căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 để cho rằng thời hiệu khởi kiện đòi tiền lương đã hết thời hiệu để ra Quyết định đình chỉ vụ án là không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật. Thứ hai, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình căn cứ vào nội dung biên bản làm việc ngày 09/9/2019 của Phòng lao động thương binh xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố T tiến hành làm việc với ông Nguyễn Đức T, trong đó ông T thừa nhận các đồng nguyên đơn đã biết thông tin Công ty cổ phần V đã cắt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội và ông T là người đại diện nhận được văn bản số 1768 của Sở L3 để xác định thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng. Bởi, ông T không được ông H, bà L, bà M và bà N uỷ quyền hay làm đại diện tham gia quá trình làm việc với Phòng L4 và từ tháng 6/2018 đến nay nguyên đơn không nhận được bất cứ một thông báo nào

hay quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty V nên không thể biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm.

Tại phiên họp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngoài những căn cứ mà nguyên đơn đã trình bày trong đơn kháng cáo, thì người đại diện theo uỷ quyền còn cho rằng: Ngày 05/8/2022, Sở L3 đã ban hành văn bản số 2983/SLĐTBXH-LDVL vẫn tiếp tục yêu cầu Công ty V khẩn trương thực hiện đối thoại với người lao động nhằm giải quyết những vướng mắc trong quan hệ lao động giữa chủ sử dụng lao động với người lao động. Tuy nhiên, đến nay Công ty V vẫn chưa tiến hành buổi đối thoại nào theo yêu cầu của Sở L3. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng: Thời gian từ ngày 05/8/2022 đến thời điểm khởi kiện xác định là thời gian trở ngại khách quan, không tính vào thời gian để tính thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương của nguyên đơn chưa hết thời hiệu khởi kiện. Bản thân người lao động chưa nhận được bất cứ văn bản nào của Công ty V về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động. Việc Công ty V tiến hành các trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động là vi phạm nghiêm trọng pháp luật về xử lý kỷ luật đối với người lao động.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn trình bày: Căn cứ yêu cầu khởi kiện thì đây là yêu cầu chi trả tiền lương, đòi quyền sở hữu tài sản, nên không phải tranh chấp lao động mà phải căn cứ vào khoản 2 Điều 255 Bộ luật Dân sự để xác định quan hệ tranh chấp dân sự và còn thời hiệu khởi kiện. Việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản làm việc ngày 19/9/2019 để cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp mà người lao động biết bị xâm phạm để tính thời hiệu khởi kiện là không đúng. Việc Công ty V không mở cửa cho người lao động vào làm việc nhưng lại xác định là người lao động không đến làm việc để chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động là không đúng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Công ty V không đồng ý với toàn bộ nội dung kháng cáo cũng như các căn cứ kháng cáo của các nguyên đơn đã trình bày. Việc Công ty V ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao

động đối với 5 người lao động là có căn cứ, đúng pháp luật. Do người lao động không đến Công ty làm việc nên Công ty đã đã ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với 05 người lao động nói trên mà không xử lý kỷ luật đối với người lao động nên việc Luật sư của nguyên đơn cho rằng Công ty V1 nghiêm trọng pháp luật về xử lý kỷ luật với người lao động là không đúng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn pháp luật quy định nên việc kháng cáo là hợp lệ. Thẩm phán và Hội đồng phiên họp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Thời điểm các đồng nguyên đơn biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm được Toà án nhân dân thành phố Thái Bình xác định ngày 09/09/2019 (là ngày Sở lao động thương binh xã hội tỉnh L3 ban hành văn bản số 1768) để làm căn cứ tính thời kiệu khởi kiện 01 năm bắt đầu từ ngày 01/10/2019 đến 01/10/2020 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019. Do vậy, ngày 28/11/2022 các nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời kiệu khởi kiện, các nguyên đơn không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc có sự kiện bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan trong việc nộp đơn khởi kiện nên việc Toà án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đã hết là đúng quy định. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương này đã được các nguyên đơn khởi kiện và Toà án nhân dân thành phố Thái Bình đã thụ lý trong vụ án "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" ngày 01/12/2021, cụ thể gồm các yêu cầu sau: Các nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N yêu cầu Công ty V bồi thường tiền lương, phụ cấp, tiền bồi thường khi chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Sau đó, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2022/QĐST-LĐ ngày 20/01/2022 hết thời hiệu khởi kiện và phía bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Nguyên đơn kháng cáo quyết định này và tại Quyết định số 01/2022 ngày 06/4/2022, Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Nhưng ngày 25/11/2022, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N lại khởi kiện yêu cầu Công ty V trả liền lương cho người lao động từ tháng 6/2018 đến tháng 02/2022 nhưng Toà án nhân dân thành phố Thái Bình vẫn tiếp tục thụ lý yêu cầu khởi kiện này của các nguyên đơn là không đúng bởi trong trường hợp này các đồng nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự vì việc khởi kiện sau không khác gì với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp. Trường hợp, Toà án đã thụ lý vụ án thì phải đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự (thuộc trường hợp người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự). Ngoài ra, nội dung quyết định đình chỉ còn tuyên thiếu hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án về việc các đương sự không có quyền khởi kiện lại. Tuy nhiên, việc áp dụng chưa đúng căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án không làm thay đổi hậu quả pháp lý của việc đình chỉ vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không cần thiết phải sửa quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng cần phải ban hành kiến nghị vụ việc và thông báo rút kinh nghiệm chung. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của các đồng nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của các nguyên đơn là hợp lệ. Tại phiên họp phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N:

[2.1] Bộ luật Lao động quy định: "Điều 179 - Tranh chấp lao động: 1. Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động. Các loại tranh chấp lao

động bao gồm: a) Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động; giữa người lao động với doanh nghiệp…". Như vậy, có căn cứ xác định, những người khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần V thanh toán tiền lương cho người lao động từ tháng 06/2018 đến tháng 02/2022 là tranh chấp về tiền lương phát sinh từ quan hệ lao động động giữa Công ty V với người lao động nên đây là tranh chấp lao động, cần áp dụng các quy định về nội dung của Bộ luật Lao động để giải quyết vụ án mà không phải là quan hệ dân sự "Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu" quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Dân sự năm 2015 như các nguyên đơn yêu cầu. Do đó, việc Toà án nhân dân thành phố Thái Bình áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự để áp dụng về quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Công ty V và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là đúng pháp luật.

[2.2] Đối với quan điểm của chị M, chị L, chị N, ông H cho rằng không có văn bản nào thể hiện việc những người này uỷ quyền cho ông T tham gia quá trình làm việc với Phòng L4 và đến nay chưa nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty V thì thấy: Tại các biên bản lấy lời khai trong hồ sơ vụ án, thể hiện tại các bút lục số 128 đến 379, các nguyên đơn đều khai thống nhất một nội dung: "Ngày 26/8/2019, ông Nguyễn Văn T3 đại diện cho tập thể người lao động nhận văn bản số 1640 và ngày 09/9/2019, ông T3 là người đại diện nhận văn bản số 1768 và giao cho chúng tôi". Như vậy, có căn cứ xác định là chị M, chị L, chị N, ông H cũng đã nhận được các văn bản nêu trên của Sở L3. Mặt khác, tại biên bản làm việc với Sở L3 ngày 16/8/2019, những người lao động gồm ông T3, chị M, chị L, chị N, ông H đều trình bày thống nhất về nội dung: Công ty V có hành vi chấm dứt hợp đồng lao động, không đóng bảo hiểm xã hội cho họ, đề nghị Công ty phải trả lương, đóng bảo hiểm cho họ theo quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ xác định từ ngày 09/9/2019, ông T3, chị M, chị L, chị N, ông H đã biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nhưng không làm đơn khởi kiện đến Toà án trong thời hiệu khởi kiện là 01 năm (từ 01/10/2019 đến 01/10/2020) nên ngày 28/11/2022, ông T3, chị M, chị L, chị N, ông H mới khởi kiện tại Toà án là hết thời hiệu khởi kiện quy định

tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 cũng như khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019.

[2.3] Tuy nhiên, khi xem xét vụ án thì thấy đơn khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu đòi tiền lương của các đương sự đã được giải quyết bằng Quyết định số 01/2022 ngày 20/01/2022 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình và Quyết định số 01/2022 ngày 06/4/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình. Trường hợp này đương sự không có quyền khởi kiện lại vụ án nhưng Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình vẫn tiếp tục thụ lý lại vụ án và giải quyết là không đúng pháp luật. Nhưng việc thụ lý vụ án và áp dụng không đúng căn cứ để ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án không làm thay đổi hậu quả pháp lý của việc đình chỉ vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không cần thiết phải sửa quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Toà án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, cần yêu cầu Toà án cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm về việc thụ lý, giải quyết vụ án chưa đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở kết luận, việc ông T3, chị M, chị L, chị N, ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tranh chấp tiền lương với Công ty V vào ngày 28/11/2022 là hết thời hiệu khởi kiện và Công ty cổ phần V có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự để ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện là đúng pháp luật. Tại phiên họp, các đương sự không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác để làm thay đổi nội dung, bản chất sự việc do đó không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Toà án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của các nguyên đơn không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn

H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án lao động số 04/2023/QĐST-LĐ ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, ông T, ông H, chị M, chị L, chị N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0001588, số E, số 0001586, số 0001587 ngày 11/9/2023 và số 0001584 ngày 08/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí cho ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Văn H, chị Lê Thị M, chị Bùi Thị Hồng L và chị Phạm Thị Thu N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân TP. Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên họp

Đỗ Thị Hà